

## **PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRẦN ĐỨC THẢO**

**Phạm Công Thuởng<sup>(\*)</sup>**

<sup>(\*)</sup> Tiến sĩ, Khoa Triết học Mác - Lênin, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Email: congthuonhgvct@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trần Đức Thảo mang lại niềm tự hào cho dân tộc Việt Nam về triết học. Bằng quá trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, tư duy sắc sảo và trí tuệ uyên bác, Trần Đức Thảo đã khẳng định giá trị to lớn, bảo vệ và làm sâu sắc hơn nội dung của phép biện chứng duy vật; vận dụng phép biện chứng duy vật vào luận giải, làm sâu sắc hơn nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức. Công hiến của Trần Đức Thảo góp phần khẳng định giá trị và sức sống trường tồn của triết học Mác - Lênin nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng.

**Từ khóa:** triết học, Trần Đức Thảo, phép biện chứng, phép biện chứng duy vật.

*Ngày nhận bài: 31/05/2024; ngày phản biện: 01/06/2024; ngày sửa chữa: 10/07/2024; ngày duyệt đăng: 15/11/2024.*

### **1. Đặt vấn đề**

Tháng 9-1948, bài báo khoa học về “Hiện tượng học của tinh thần và nội dung hiện thực của nó” của Trần Đức Thảo được đăng trên *Tạp chí Les Temps Modernes* của Pháp đã đánh dấu việc tư tưởng triết học của ông giải thoát khỏi phép biện chứng duy tâm của Hegel để từng bước đến với phép biện chứng duy vật của triết học Mác. Tháng 8 năm 1951, tác phẩm “Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng” của

Trần Đức Thảo được nhà xuất bản Minh Tâm phát hành. Sự kiện này đánh dấu việc ông chính thức trở thành nhà triết học mácxít; tư tưởng của ông đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng. Từ năm 1955 đến năm 1958, Trần Đức Thảo là Giáo sư giảng dạy lịch sử triết học. Trong giai đoạn này, ông đã nghiên cứu, giảng dạy lịch sử triết học nói chung, phép biện chứng nói riêng trong triết học Hy Lạp,

Trung Hoa cổ đại, triết học Trung cổ, triết học thời kỳ Phục hưng, Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII và triết học Cổ điển Đức. Từ năm 1958 đến năm 1961, ông nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ năm 1961 đến năm 1973, Trần Đức Thảo nghiên cứu phép biện chứng duy vật thông qua việc tham gia dịch các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen cho nhà xuất bản Sự thật. Tư tưởng về phép biện chứng duy vật còn được Trần Đức Thảo đề cập đến trong nhiều bài báo khoa học của ông, như: “Hạt nhân duy lý của phép biện chứng Hegel” (*Tạp chí La Pensée* - 1956); “Phép biện chứng lôgic trong sự hình thành của Tư bản” (*Tạp chí La Pensée* - 1984); v.v.. Những bài viết này được học giả ở nước ngoài đánh giá cao. Nghiên cứu phép biện chứng duy vật với tư cách một hệ thống mở, Trần Đức Thảo không chỉ khẳng định giá trị to lớn, mà còn đấu tranh bảo vệ, làm sâu sắc hơn nội dung của phép biện chứng duy vật.

## **2. Trần Đức Thảo khẳng định giá trị, đấu tranh bảo vệ và làm sâu sắc hơn nội dung của phép biện chứng duy vật**

*Một là, Trần Đức Thảo khẳng định giá trị to lớn của phép biện chứng duy vật, khi cho rằng đây là lý luận khoa học*

diễn đạt sự vận động, phát triển của xã hội loài người, *trên cơ sở đó chỉ ra tính tất yếu ra đời của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

Trần Đức Thảo khẳng định, giá trị quan trọng hàng đầu trong phép biện chứng của C.Mác là tính chất duy vật của nó. Các nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật đem lại cho con người hiểu biết duy vật về thế giới và vai trò của con người trong thế giới ấy. Phép biện chứng duy vật cho phép xây dựng thế giới quan khoa học, với tính cách là học thuyết triết học về sự phát triển, phép biện chứng duy vật phản ánh biện chứng khách quan của thế giới, sự vận động lịch sử xã hội và con người. Phép biện chứng duy vật đối lập với phép biện chứng duy tâm, như C.Mác đã khẳng định: “phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hê-ghe-n về cơ bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy nữa” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 35).

Trần Đức Thảo khẳng định phép biện chứng duy vật diễn đạt khoa học sự vận động, phát triển của xã hội loài người, từ đó khẳng định tính tất yếu ra đời của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giá trị này của phép biện chứng duy vật được biểu hiện qua tự thuật của ông về

hai con đường khiến ông đến với chủ nghĩa Mác nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng. Theo Trần Đức Thảo, trong hành trình của mình, ông đã đến với chủ nghĩa Mác qua hai con đường: (1) đó là cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc của chủ nghĩa xã hội; (2) nghiên cứu triết học và lịch sử triết học. Muốn đòi tự do cho dân tộc, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản tất yếu phải có lý luận khoa học. Sớm nhận thấy giá trị của lý luận chủ nghĩa Mác nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng đối với việc giành độc lập cho dân tộc, đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, Trần Đức Thảo đã đến với chủ nghĩa Mác. Trần Đức Thảo khẳng định, chỉ có duy nhất chủ nghĩa Mác - Lênin mới vạch ra con đường đúng đắn để giải quyết những vấn đề cơ bản về phần lý luận khoa học.

Con đường thứ hai để Trần Đức Thảo đến với phép biện chứng duy vật, thấy được giá trị khoa học, cách mạng của phương pháp này đó là thông qua nghiên cứu triết học và lịch sử triết học. Qua nghiên cứu triết học và lịch sử triết học, Trần Đức Thảo thấy được lịch sử hình thành, phát triển của phép biện chứng, so sánh phép biện chứng duy vật với phép biện chứng tự phát, ngây thơ thời cổ đại và phép biện chứng duy

tâm của Hêghen. Đặc biệt, trên cơ sở so sánh phương pháp trong hiện tượng học của Husserl và phép biện chứng duy vật, Trần Đức Thảo đã đưa ra những kết luận quan trọng, khái quát giá trị của phép biện chứng duy vật với tư cách vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp vô sản. Theo Trần Đức Thảo, phép biện chứng duy vật diễn đạt khoa học sự phát triển của xã hội loài người tất yếu sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: “Phép biện chứng duy vật diễn đạt sự vận động của các giá trị con người sinh ra từ lao động xã hội của con người... Trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chuyển lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản, cuối cùng thì sự hòa giải thế giới được thực hiện” (Trần Đức Thảo 2004: 374). Trần Đức Thảo cho rằng, đối với giai cấp vô sản, phép biện chứng duy vật làm cho sự hòa giải thế giới được đặt trên mảnh đất hiện thực, bằng sự tổ chức lao động xã hội, đấu tranh thủ tiêu các đặc quyền, đặc lợi. Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác hoàn thành khát vọng lý tưởng đã có từ lâu của con người, làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học. Phép biện chứng duy vật phản ánh chân thực sự vận động thực tế của toàn xã hội, lý luận về mối liên hệ và sự phát triển được giai cấp vô sản tiếp thu bởi tính vật

chất của đời sống hiện thực.

*Hai là, thông qua luận chiến với nhiều đại diện của triết học phương Tây hiện đại, Trần Đức Thảo bảo vệ, làm sâu sắc thêm nội dung của phép biện chứng duy vật.*

Trần Đức Thảo bảo vệ, làm sâu sắc thêm nội dung của phép biện chứng duy vật thông qua luận chiến với Husserl<sup>1</sup>. Trần Đức Thảo nghiên cứu rất kỹ tư tưởng triết học của Husserl. Ông đã chỉ ra những mặt hạn chế của hiện tượng học Husserl. Đó là khuynh hướng duy tâm, siêu hình trong quan niệm về sự phát triển. Trên cơ sở phân tích, trình bày bản chất của cảm tính và sự sinh thành của lý tính thông qua phân tích sự tiến hóa của xã hội loài người, Trần Đức Thảo bảo vệ và làm sâu sắc thêm phép biện chứng duy vật. Tác phẩm *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng* của Trần Đức Thảo đã ảnh hưởng đến nhiều nhà triết học sau ông và tiếp nối ông đi sâu nghiên cứu và ủng hộ phép biện chứng duy vật của C.Mác. Tác phẩm này phản ánh sự đoạn tuyệt với Hiện tượng học Husserl và đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật biện chứng của Trần Đức Thảo. Ông khẳng định, chỉ có phép biện chứng duy vật mới khắc phục được những hạn chế của hiện tượng học Husserl: “từ sự vĩnh cửu

của những bản chất cho đến tính chủ thể sống trải, từ cái tôi [l’Ego] cá biệt đến sự sinh triển phổ quát, sự tiến hóa của tư tưởng Husserl là nhân chứng cho cảm hứng bất biến của thuyết duy tâm hướng đến cái nội dung hiện thực mà chỉ có phép biện chứng duy vật mới xác nhận được quan niệm đích thực” (Trần Đức Thảo 2016b: 438). Trần Đức Thảo chỉ ra, trong chủ nghĩa Mác, hiện tượng học tìm thấy hình thức của sự vượt bỏ chính mình. Ông hiểu và đánh giá cao công lao của Husserl trong việc đòi hỏi phải có phương pháp chính xác trong nghiên cứu (phương pháp phân tích tính ý hướng của Husserl), nhưng cũng chính phương pháp này đã đưa Husserl đến chỗ “giáp ranh với chủ nghĩa duy vật biện chứng” (Trần Đức Thảo 2016b: 708).

Trần Đức Thảo bảo vệ, làm sâu sắc thêm nội dung của phép biện chứng duy vật thông qua luận chiến với J-P.Sartre<sup>2</sup>. Năm 1950, J-P.Sartre đã mời Trần Đức

---

1 Husserl tên đầy đủ là Edmund Gustav Albrecht Husserl (1859 - 1938). Ông là một nhà triết học vô thần và toán học có công sáng lập trường phái hiện tượng học.

2 J-P.Sartre tên đầy đủ là Jean-Paul Charles Aymard Sartre (1905 - 1980), là nhà triết học hiện sinh, nhà soạn kịch, nhà biên kịch, tiểu thuyết gia và là nhà hoạt động chính trị người Pháp. Ông là một trong những nhân vật nòng cốt trong hệ thống triết học của chủ nghĩa hiện sinh.

Thảo tham gia năm cuộc thảo luận triết học về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa hiện sinh. Thông qua các cuộc thảo luận này, J-P.Sartre muốn chứng minh rằng chủ nghĩa hiện sinh có thể chung sống hòa bình trên phương diện học thuyết với chủ nghĩa Mác, tuy nhiên chỉ có chủ nghĩa hiện sinh mới có giá trị về mặt triết học, còn chủ nghĩa Mác chỉ có ảnh hưởng trong một chừng mực nào đó đối với quan niệm về xã hội. Trần Đức Thảo bác bỏ quan điểm này và đoạn tuyệt với chủ nghĩa hiện sinh. Chủ nghĩa hiện sinh của J-P.Sartre cho rằng hiện thực đòi người không tồn tại thực, mà là hư vô. Trần Đức Thảo bác bỏ quan điểm này và khẳng định: “đời người là một quá trình biện chứng: ở đây, tính chất thú vật bị siêu vượt, những hành vi mà ta thực hiện không còn mang ý nghĩa sinh học nữa, mà chính xác là ý nghĩa nhân văn”; và “nền tảng chân lý của những giá trị mà mỗi cá nhân nhắm đến, đôi khi bằng sự hy sinh cả đời mình nếu cần, lại nằm trong thực tiễn cuộc sống. Nảy sinh từ hoàn cảnh hiện thực, chúng tất yếu phải diễn tả cấu trúc tổng quát của cái thế giới đã đẻ ra các loại hoàn cảnh đó, mà cấu trúc này thì luôn luôn bị quy định bởi những quan hệ kinh tế” (Trần Đức Thảo 2016a: 105-106).

Trần Đức Thảo bảo vệ, làm sâu sắc

thêm nội dung của phép biện chứng duy vật trước sự xuyên tạc của Louis Althusser<sup>3</sup>. Mặc dù là nhà triết học mácxít, nhưng Louis Althusser đưa ra cách giải thích khác về chủ nghĩa Mác. Ông cho rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng chỉ là một học thuyết triết học, thuộc nhóm thực tiễn lý luận “năng động”, không phải hệ thống quy luật được khái quát từ giới tự nhiên. Louis Althusser giải thích sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác ở góc nhìn của chủ nghĩa kết cấu. Chủ nghĩa Mác là sản phẩm của việc dùng phép biện chứng của Hêghen cải tạo kinh tế chính trị học của Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng của Pháp. Chủ nghĩa cấu trúc biểu hiện quyền lợi của giai cấp tư bản tài phiệt, độc quyền đế quốc trong điều kiện phát triển của khoa học kỹ thuật. Theo họ, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật làm cho con người trở thành vô dụng, máy móc tự điều khiển xóa bỏ vai trò của con người, dẫn đến “cái chết của con người”. Tư tưởng này dọn đường cho nền thống trị tuyệt đối, tính chất ngày càng chuyên chế của giai cấp tư sản thống trị. Thậm chí, tư tưởng này còn chủ trương dùng chiến tranh hạt nhân nhằm hủy diệt con người. Phê phán

3 Louis Althusser (1918 - 1990) là nhà triết học mácxít người Pháp.

quan điểm này, trong tác phẩm *Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người*, Trần Đức Thảo khẳng định: “theo quan điểm Mác - Lênin thì cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật chỉ làm cho con người trở thành vô dụng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản” (Trần Đức Thảo 1989: 92). Đồng thời, đây là lý do đẩy mạnh phong trào vô sản trên khắp thế giới, nhằm xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thiết lập phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chỉ có trong chủ nghĩa xã hội thì cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật không gây nên nạn thất nghiệp. Máy móc tự điều khiển không thể thay thế con người nhưng giúp con người trong những công việc nặng nhọc, thủ tục sự vụ, v.v., làm cho hoạt động sáng tạo của con người có chất lượng ngày càng cao hơn, bảo đảm điều kiện vật chất để con người phát triển toàn diện. Đây là tư tưởng biện chứng về sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, đồng thời là quan điểm duy vật lịch sử về vai trò là chủ thể của con người.

Chủ nghĩa cấu trúc, mà Louis Althusser là đại diện, tiêu biểu xem thế giới là cấu trúc chứ không phải là vật chất, là khoảng trống bên trong cái vòng chứ không phải vật liệu tạo nên cái vòng ấy. Mỗi hệ thống cấu trúc ấy vận động

xoay tròn, chứ không chuyển hóa thành hệ thống khác. Đây là quan điểm duy tâm, siêu hình, bảo vệ cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Phê phán quan điểm này, Trần Đức Thảo khẳng định hình thái ổn định của sự vận động là hệ thống cơ cấu xoay vòng là một hình thù quá độ của sự vận động biện chứng. Ở đó, hệ thống cơ cấu xoay vòng nào cũng sẽ chuyển hóa sang một hệ thống khác, theo hướng biện chứng phát triển cao hơn, là sự biện chứng của thế giới, là vật chất vô hạn đang vận động.

*Ba là, Trần Đức Thảo vận dụng phép biện chứng duy vật vào luận giải, làm sâu sắc hơn nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức.*

Trong điều kiện lịch sử mới, có nhiều vấn đề đặt ra về mặt triết học cần phải giải quyết. Triết học Mác - Lênin đã luận giải khoa học, cách mạng về nguồn gốc của ý thức, vai trò của lao động, ngôn ngữ đối với việc hình thành ý thức. Tuy nhiên, với sự phát triển của các khoa học cụ thể, vấn đề nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức cần được tiếp tục luận giải sâu sắc hơn. Trần Đức Thảo đã vận dụng phép biện chứng duy vật vào luận giải sâu sắc nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức, phê phán, bác bỏ tư tưởng duy tâm, siêu hình về con người, chỉ ra khuynh hướng tất yếu trong sự vận

động, phát triển của lịch sử xã hội loài người. Ông so sánh sự khác biệt cơ bản giữa tâm lý động vật, đặc biệt là tâm lý của loài khỉ cao cấp với tâm lý của con người. Nghiên cứu tập tính của một số loài động vật và chỉ ra sự khác biệt giữa chúng với con người. Dựa vào sự tiến hóa của cơ thể loài vật để chỉ ra sự khác biệt về tính bầy đàn của chúng. Loài bò, trâu, chó, lợn có sự tiến hóa cơ thể thấp hơn loài khỉ, tinh tinh, nên tính bầy đàn của chúng thiếu chặt chẽ, tổ chức lỏng lẻo hơn. Tính bầy đàn của khỉ và tinh tinh có sự liên kết chặt chẽ hơn, có tính tổ chức hơn. Do có sự tiến hóa mạnh mẽ về não bộ và nhiễm sắc thể, khỉ và tinh tinh đã biết phân biệt ngôi thứ, đi săn, chia quả, chống chọi kẻ thù thông qua chỉ hiệu của con vật đầu đàn, v.v.. Tính bầy đàn của khỉ và tinh tinh đã tiếp cận gần với tính xã hội của con người.

Trần Đức Thảo khảo sát sự phát triển của động vật bậc thấp và động vật bậc cao để lý giải nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức. Sự phát triển của động vật từ thấp đến cao đều gắn với cơ chế phản xạ tương ứng. Ở động vật bậc thấp (động vật không xương sống), quan hệ giữa các cá thể được quy định theo những đặc điểm hữu cơ và đời sống tập thể tiến hành hầu như máy móc, diễn ra chủ yếu theo những phản xạ không điều kiện.

Tính tổ chức cao nhất ở động vật bậc thấp thể hiện ở loài ong. Ở động vật bậc cao (có xương sống), quan hệ giữa các cá thể trở nên mềm dẻo, phong phú, do vai trò ngày càng tăng của những phản xạ có điều kiện. Trong quan hệ với tự nhiên và cộng đồng, ở động vật có xương sống đã xuất hiện phản xạ tập đoàn (bao gồm phản xạ tập thể và những phản xạ liên hệ với tập đoàn). Sự lựa chọn tự nhiên làm cho một số phản xạ tập đoàn trở thành vô điều kiện. Xuất phát từ bản năng thỏa mãn nhu cầu cơ bản của sự sống, hình thành tính tập đoàn trong sự đối lập với tính cá thể động vật. Nhất trí với triết học Mác - Lênin, Trần Đức Thảo khẳng định rằng, tổ tiên của loài người được bắt nguồn từ loài khỉ theo quy luật tiến hóa của bộ óc từ thấp đến cao, qua những trình độ tổ chức nhất định trong lớp thú và bộ linh trưởng. Tất cả các loài khỉ đều sống tập đoàn. Trần Đức Thảo đã chia quá trình phát triển của ý thức thành các dạng từ đơn giản đến phức tạp. Ông so sánh các phản xạ của động vật với phản xạ của con người, từ đó khẳng định tương ứng với các hình thức vận động của vật chất ở các cấp độ khác nhau là các cấp độ phản ánh. Sự khác biệt về chất giữa con người với con vật ở năng lực hình thành và phát triển của ý thức - trình độ phản

ánh cao nhất. Trần Đức Thảo dựa vào trình độ phát triển của cơ thể để luận giải sự hình thành và phát triển ý thức của con người thông qua sự tiến hóa của các loài. Sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức của con người diễn ra từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Sự hình thành con người trải qua quá trình tiến hóa lâu dài, đi từ khi cao cấp rồi chuyên thành “người khéo”, tiếp đó đến “người khôn”. Mỗi giai đoạn phát triển lại gắn với trình độ tâm lý khác nhau.

Phân tích quá trình phát triển của một đứa trẻ, Trần Đức Thảo chỉ ra, đến 12 tháng tuổi, đứa trẻ đạt tới độ tuổi của loài tinh tinh. Nó ngồi ở tư thế rất thẳng. Nó cho một khối vuông đổi lấy một khối khác, lấy đồ chơi đập vào một đồ chơi khác, nắm một đầu sợi chỉ và kéo về phía mình một đồ vật buộc vào đầu dây kia. Nó biết cười với hình ảnh của mình trong gương. Nó có thể dắt tay đi, học vỗ tay hoan hô và vẫy tay tạm biệt. Đến 14 tháng tuổi, đứa trẻ biết làm động tác chỉ, hành vi này là đặc điểm thuộc về trình độ loài vượn phương Nam phát triển, có thể tự đi trên đôi chân của mình. Từ 12 đến 14 tháng tuổi, đứa trẻ bắt đầu sử dụng các tín hiệu tiền ngôn ngữ, hoạt động thần kinh của nó là tiền sống trải và tiền tâm lý - trình độ cao nhất của

động vật. Đến 15 tháng tuổi, xuất hiện bước nhảy vọt cơ bản về chất chuyển từ tính động vật sang tính người dưới hình thức khởi nguyên của Người khéo léo. Từ 15 tháng đến 5 tuổi, việc hình thành ngôn ngữ và ý hoạt động tâm lý (bao gồm cái sống trải, ý thức, tiềm thức và vô thức). Nhịp độ chín muồi của vỏ não và truyền thống giáo dục của cộng đồng gia đình thúc đẩy phát triển ý nghĩa và giá trị xã hội của tâm lý, làm cho cộng đồng địa phương Người khéo léo phát triển thành bộ lạc của Người thời đại đồ đá giữa và Người thời đại đồ đá mới đầu tiên (Xem: Trần Đức Thảo 1973).

Trần Đức Thảo đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa mặt sinh học và mặt xã hội của con người. Sự xuất hiện tâm lý không thể tách rời mặt sinh vật trong con người vốn có tiền sử từ xa xưa trong sự xuất hiện giống loài, từ sự xuất hiện của tế bào thần kinh đến lúc thần kinh phát triển thành não bộ. Sự phát triển của thần kinh và não bộ gắn liền với tập tính của loài động vật. Khi cao cấp biết sống theo tập đoàn và ít nhiều có tính tổ chức, như nhận định của Ph.Ăngghen: “các tổ tiên người - vượn của chúng ta là những động vật có tính hợp quần; rõ ràng là không thể kết luận rằng con người, tức là một loài động vật có tính hợp quần hơn hết, lại là do một tổ tiên

gần nhất không có tính hợp quần, sinh ra” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002a: 644). Loài người biết tổ chức thành xã hội. Sự sáng tạo của Trần Đức Thảo là việc ông chỉ rõ điểm xuất phát của xã hội loài người từ đâu. Sự khác biệt cơ bản về cấu trúc não bộ của loài khi so với người khéo và người khôn cũng như với con người ngày nay dẫn đến sự khác biệt tâm lý, ý thức. Sự khác nhau giữa loài vượn và con người thể hiện ở sự khác biệt giữa cái tâm thần cảm giác vận động của động vật với cái tâm thần hữu thức của con người. Loài vượn chỉ có thể làm cho lao động thích nghi khéo léo, không có khả năng chế tạo công cụ lao động, không đạt tới hình thức sản xuất đặc thù của con người. Con người không chỉ là động vật biết tư duy, mà còn có ngôn ngữ, có khả năng chế tạo, sử dụng công cụ lao động. Vượn người không có cử chỉ chỉ dẫn bằng dấu hiệu sơ đẳng nhất nên không thể có ý thức, không đạt đến trình độ phản ánh ý thức.

Trần Đức Thảo dựa trên lý thuyết về sự tiến hóa của các loài động vật để lý giải khoa học về nguồn gốc của ý thức. Gốc rễ, cội nguồn của sự tiến hóa động vật là sự phát triển “hoạt động dụng cụ tính”, thực sự tạo bước chuyển từ vượn người sang giai đoạn loài người. Ý thức phải được khảo cứu trong hoạt động

vật chất. Ngôn ngữ bắt đầu từ lao động thích nghi của người vượn. Chỉ con người mới có được ngôn ngữ và cách chế tạo công cụ lao động. Chỉ trở là nét riêng của con người không có ở con vật. Do chỗ con vật không có khái niệm khoảng cách, nó vồ thẳng vào vật mình cần. Con vượn tuy tri giác sự vật ở bên ngoài, nhưng đối tượng là cái nó có thể đụng tới trực tiếp hay qua một vật trung gian (cái gậy). Trong quá trình tiến hóa thích nghi với các điều kiện khó khăn của môi trường xung quanh, loài vượn phương Nam biết đi hai chân trên mặt đất, biết sử dụng một số đối tượng tự nhiên với tư cách là dụng cụ có sẵn. Loài vượn này đã thốt lên được một số âm thanh có tính chất tình thế, không có ý nghĩa chỉ đối tượng. Cử chỉ đó đồng thời có chức năng kêu gọi và cũng thể hiện bằng tiếng cảm thán của con người hay con vật được tập thể đáp lại. Con người thì chỉ thẳng vào vật mình cần. Khi ngón tay trở vào vật ở bên ngoài xa mình, thì khái niệm vật hình thành. Như vậy, quá trình hình thành, phát triển của ý thức con người là một quá trình biện chứng. Trần Đức Thảo đi đến kết luận rằng, ý thức con người phải trải qua nhiều bước trung gian từ thấp đến cao và phải vượt qua giai đoạn của vượn người. Dựa vào phép biện chứng duy

vật, ông chỉ ra sự phát triển của ý thức con người đi từ bước thứ nhất (ý thức rời rạc), đến bước thứ hai (ý thức tập thể) và bước thứ ba (hình thành cái tôi). Lúc đó ý thức mới ra đời. Loài vượn người đạt được, bước thứ nhất và bước thứ hai do chúng ý thức được các hiện tượng đơn lẻ bên ngoài và tìm ra được cử chỉ hay cách diễn đạt bằng âm thanh để thể hiện cái vật mình muốn bằng một dấu hiệu riêng. Chỉ có con người mới đạt được tới bước thứ ba do hình thành cái tôi của mình trong quan hệ với cộng đồng xã hội.

Trần Đức Thảo chỉ ra tính xã hội là tiêu chí để đánh giá sự phát triển ý thức của con người. Tính xã hội của con tinh tinh khác với tính xã hội của con người về cấp độ và trình độ. Nếu như con tinh tinh ít nhiều mang tính xã hội, thì người khéo đã mang tính xã hội rõ rệt. Bởi vì, người khéo vừa là kết quả vận động tự nhiên, vừa là chủ nhân của tự nhiên và lịch sử. Thông qua quá trình lao động, con người đã chế tạo công cụ lao động làm cho sản phẩm dư thừa, xuất hiện quan hệ sở hữu chung và sở hữu riêng trong quan hệ cộng đồng. Chính mỗi quan hệ sở hữu chung và riêng đó là cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức. Trần Đức Thảo khẳng định, trong quan hệ với cộng đồng, con người buộc phải

trao đổi thông tin ngày một nhiều với người khác. Đó là cơ sở, cội nguồn để ngôn ngữ, ý thức ra đời. Trần Đức Thảo đặc biệt nhấn mạnh đến tính xã hội của ngôn ngữ và ý thức. Ngôn ngữ và ý thức vừa là sản phẩm của xã hội, vừa là kết quả của các quan hệ xã hội phát triển, được phản ánh vào trong đầu óc con người. Môi trường, tính chất, trình độ phát triển xã hội khác nhau thì tạo ra các ngôn ngữ khác nhau. Con người sáng tạo ra ngôn ngữ như là cái vỏ vật chất của ý thức phản ánh những quan hệ hiện thực xảy ra trong đời sống. Trần Đức Thảo đã sáng tạo ra lý thuyết về sự vận động của hình ảnh thân thể xã hội có trong bản thân và hình ảnh của chính bản thân được phản ánh vào trong óc người. Khi con người nói “cái này” thì trước con người phải có đối tượng để chỉ và khi chỉ thì trong đầu con người đã biết là có cái gì. Bản chất của âm hiệu và chỉ hiệu của con người khác hoàn toàn với tiếng kêu của loài tinh tinh. Âm hiệu và chỉ hiệu của loài vượn người chỉ có một số lượng hết sức tối thiểu. Ngôn ngữ và hành vi của con người thì phát triển đến vô cùng trong quá trình lao động cải tạo thế giới, cải tạo bản thân của con người.

### **3. Kết luận**

Nghiên cứu, hệ thống hóa tư tưởng triết học của Trần Đức Thảo về phép

biện chứng duy vật có ý nghĩa quan trọng, khẳng định công lao to lớn của một nhà triết học mácxít trong bảo vệ, phát triển triết học Mác nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng. Đồng thời, góp phần bảo vệ bản chất khoa học, cách mạng của phép biện chứng duy vật - công cụ nhận thức khoa học, vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trách nhiệm của những người mácxít cần tiếp tục kiên định, bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo phép biện chứng duy vật, đấu tranh bác bỏ phương pháp duy tâm, siêu hình trong lĩnh vực triết học, góp phần thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra: “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” ( Đảng Cộng sản Việt Nam 2021: 109).

### **Tài liệu trích dẫn**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002a. *Toàn tập*, tập20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002b. *Toàn tập*, tập 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

4. Trần Đức Thảo. 1973. *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience*. Paris: Editions Sociales.

5. Trần Đức Thảo. 1989. *Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người*. Tp Hồ Chí Minh: Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

6. Trần Đức Thảo. 2004. *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.

7. Trần Đức Thảo. 2016a. “Chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa duy vật biện chứng”. Trang 105 - 106 trong sách *Triết gia Trần Đức Thảo: Di sản, Khảo luận, Kỷ niệm (Nguyễn Trung Kiên sưu tầm, biên soạn)*. Huế: Nxb. Đại học Huế.

8. Trần Đức Thảo. 2016b. “Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng” (Bùi Văn Nam Sơn và Đinh Hồng Phúc dịch). Trang 438 trong sách *Hành trình của Trần Đức Thảo: Hiện tượng học và chuyển giao văn hóa*, Đồng chủ biên Jocelyn Benoist và Michel Espangne. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.